

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025
của huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi**

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Công văn số 6221/UBND-KTN ngày 15/11/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc khẩn trương thực hiện lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 cấp huyện;

Căn cứ Thông báo số 6010/TBTĐ-STNMT ngày 10/12/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi về việc thẩm định Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Sơn Hà;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 02/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc thông qua danh mục công trình, dự án thu hồi đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 02/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc thông qua danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất sang mục đích khác năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Ủy ban nhân dân huyện Sơn Hà trình Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Sơn Hà với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Hồ sơ trình phê duyệt kèm theo Tờ trình, gồm:

1.1. Tờ trình của Ủy ban nhân dân huyện Sơn Hà;

1.2. Báo cáo thuyết minh tổng hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Sơn Hà;

1.3. Hệ thống bảng biểu, sơ đồ, bản vẽ vị trí;

1.4. Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Sơn Hà.

2. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã đạt được những thành tựu nhất định, giúp cho việc quản lý sử dụng đất trên địa bàn huyện đi vào nề nếp và phục vụ tốt cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong năm qua.

2.1.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch và chỉ tiêu giao tại các Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 15/9/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Sơn Hà; Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Sơn Hà; Quyết định số 455/QĐ-UBND ngày 19/6/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt bổ sung các công trình dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Sơn Hà.

UBND huyện Sơn Hà tổ chức thực hiện đã đạt được những thành tựu nhất định, giúp cho việc quản lý sử dụng đất trên địa bàn huyện đi vào nề nếp và phục vụ tốt cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong năm qua.

a. Đánh giá thực hiện các anh mục công trình, dự án

- Tổng số công trình, dự án được phê duyệt là 45, tại Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 29/12/2023; Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 13/4/2024 và Quyết định số 455/QĐ-UBND ngày 19/6/2024.

- Kết quả thực hiện: Có 05 công trình, dự án đã thực hiện xong công tác thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất; đạt tỷ lệ 11%.

b. Đánh giá thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất được duyệt

So sánh chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024 với chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất đến năm 2024 được duyệt, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 theo các chỉ tiêu sử dụng đất được thể hiện qua bảng sau:

STT	CHỈ TIÊU	Diện tích hiện trạng năm 2023 (ha)	KHSDĐ được duyệt năm 2024 (ha)	Kết quả diện tích thực hiện năm 2024		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4	5	6 = (5-3)	(7)=(6)/[(4)-(3)]*100%
	Tổng diện tích tự nhiên	72.826,30	72.826,30	72.826,30		
1	Nhóm đất nông nghiệp	67.493,80	67.384,99	67.488,64	-5,16	4,74
1.1	Đất trồng lúa	3.288,42	3.267,88	3.288,00	-0,42	2,05
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	2.907,20	2.887,43	2.906,78	-0,42	2,13
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	380,67	379,90	381,22	0,54	-70,15
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	10.974,45	10.933,42	10.972,62	-1,83	4,47

STT	CHỈ TIÊU	Diện tích hiện trạng năm 2023 (ha)	KHSDD được duyệt năm 2024 (ha)	Kết quả diện tích thực hiện năm 2024		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4	5	6 = (5-3)	(7)=(6)/[(4)-(3)]*100%
1.3	Đất trồng cây lâu năm	10.648,12	10.633,52	10.645,92	-2,21	15,12
1.4	Đất rừng phòng hộ	27.178,70	27.174,27	27.178,70	-0,01	0,12
1.5	Đất rừng sản xuất	15.397,36	15.369,23	15.396,79	-0,56	2,00
-	Trong đó: đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	198,85	198,85	198,85	0,00	
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	6,74	6,67	6,62	-0,13	172,55
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	4.681,74	4.808,58	4.689,73	7,99	6,30
2.1	Đất ở tại nông thôn	800,33	800,30	800,32	-0,01	29,10
2.2	Đất ở tại đô thị	90,11	94,78	90,03	-0,07	-1,58
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	13,45	14,70	13,45	0,00	-0,01
2.4	Đất quốc phòng	85,14	85,14	85,14		
2.5	Đất an ninh	0,65	0,77	0,65		
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	72,99	73,34	73,74	0,75	216,90
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	2,43	2,87	2,68	0,25	56,35
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở y tế	4,27	4,27	4,27		
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	46,58	45,87	46,58		
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	16,85	17,37	16,85		
2.6.5	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	2,86	2,96	3,36	0,50	504,98
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	84,87	89,29	84,87		
2.7.1	Đất cụm công nghiệp	4,65	9,09	4,65		
2.7.2	Đất thương mại, dịch vụ	2,82	2,80	2,82		
2.7.3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	21,14	21,14	21,14		
2.7.4	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	56,26	56,26	56,26		
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	1.397,87	1.724,07	1.412,69	14,82	4,54
2.8.1	Đất công trình giao thông	676,43	680,47	678,86	2,43	60,27
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	594,44	593,18	594,44	0,00	0,02
2.8.3	Đất công trình xử lý chất thải	2,60	2,60	2,60		
2.8.4	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	115,14	436,53	127,53	12,38	3,85
2.8.5	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	0,95	0,86	0,95	0,00	-0,10
2.8.6	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	1,92	1,95	1,92		

STT	CHỈ TIÊU	Diện tích hiện trạng năm 2023 (ha)	KHSDĐ được duyệt năm 2024 (ha)	Kết quả diện tích thực hiện năm 2024		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4	5	6 = (5-3)	(7)=(6)/[(4)-(3)]*100%
2.8.7	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	6,40	8,48	6,40	0,00	-0,01
2.9	Đất tôn giáo	0,27	0,27	0,27		
2.10	Đất tín ngưỡng	0,17	0,17	0,17	0,00	
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	146,74	146,18	146,74	0,00	0,08
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	1.988,57	1.778,98	1.981,57	-6,99	3,34
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	0,06	0,06	0,06		
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	1.988,50	1.778,92	1.981,51	-6,99	3,34
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	0,09	0,09	0,09		
3	Nhóm đất chưa sử dụng	650,76	632,73	647,92	-2,84	15,74
3.2	Đất bằng chưa sử dụng	498,33	480,31	495,28	-3,05	16,91
3.3	Đất đồi núi chưa sử dụng	143,83	143,81	144,04	0,21	-1.043,65
3.4	Núi đá không có rừng cây	8,60	8,60	8,60	0,00	

- Tổng diện tích tự nhiên năm 2024 huyện Sơn Hà có 72.826,30 ha, không thay đổi diện tích so với năm 2023 và diện tích được duyệt năm 2024.

b.1. Nhóm đất nông nghiệp

Kết quả diện tích thực hiện năm 2024 đạt 4,74% so với diện tích thực hiện của kế hoạch được duyệt. Diện tích chưa thực hiện 103,65 ha so với kế hoạch được duyệt. Hầu hết các loại nhóm đất nông nghiệp thực hiện theo kế hoạch, tuy nhiên tỷ lệ thực hiện còn thấp so với kế hoạch đề ra.

Cụ thể các loại đất như sau:

+ *Đất trồng lúa:* Kết quả diện tích thực hiện năm 2024 đạt 2,05% so với diện tích thực hiện của kế hoạch được duyệt. Diện tích chưa thực hiện 20,12 ha so với kế hoạch được duyệt; do một số công trình, dự án chưa thực hiện chuyển mục đích sang nhóm đất phi nông nghiệp như: *Thủy điện Trà Khúc 2, Thủy điện Trà Khúc 1, Khu dân cư Cà Tu, hạng mục: xây dựng hạ tầng kỹ thuật DC8, DC10, DC11, DC18 (giai đoạn 2); Khu dân cư Cà Tu, hạng mục: xây dựng hạ tầng kỹ thuật DC3, DC4 (giai đoạn 1, giai đoạn 2); khu dân cư Cà Tu, hạng mục: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật DC5, A4,....*

Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước (*2 vụ lúa trở lên*): kết quả diện tích thực hiện năm 2024 đạt 2,13% so với diện tích thực hiện của kế hoạch được duyệt; diện tích chưa thực hiện 19,35 ha so với kế hoạch được duyệt. Do một số

công trình, dự án chưa thực hiện chuyển mục đích sang nhóm đất phi nông nghiệp như: *Thủy điện Trà Khúc 2, Thủy điện Trà Khúc 1,...*

+ *Đất trồng cây hằng năm khác*: Kết quả diện tích thực hiện năm 2024 đạt 4,47% so với diện tích thực hiện của kế hoạch được duyệt. Diện tích chưa thực hiện 39,20 ha so với kế hoạch được duyệt, do một số công trình, dự án chưa thực hiện chuyển mục đích sang nhóm đất phi nông nghiệp như: *Đường ĐH.77 (Di Lăng-Sơn Bao), Đường tránh Tây thị trấn Di Lăng, Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8), , Thủy điện Trà Khúc 2, Thủy điện Đăkđrinh 2, Thủy điện Sơn Nham, Khu dân cư dọc Kè sông Rin, Đường Làng Vách- Làng Nura và đường giao thông nông thôn, xã Sơn Thượng,...*

+ *Đất trồng cây lâu năm*: Kết quả diện tích thực hiện năm 2024 đạt 15,12% so với diện tích thực hiện của kế hoạch được duyệt. Diện tích chưa thực hiện 12,39 ha so với kế hoạch được duyệt; do một số công trình, dự án chưa thực hiện chuyển mục đích sang nhóm đất phi nông nghiệp như: *Đường ĐH.77 (Di Lăng-Sơn Bao), Đường tránh Tây thị trấn Di Lăng, Kè chống sạt lở Tà Man nối tiếp Km0+67 đến Km0, Thủy điện Trà Khúc 2, Thủy điện Trà Khúc 1, Thủy điện Đăkđrinh 2, Thủy điện Sơn Nham, Thủy điện ĐăkBa, hạng mục: Đấu nối nhà máy thủy điện ĐăkBa vào lưới điện QG đường dây 110kV,...*

+ *Đất rừng phòng hộ*: Kết quả diện tích thực hiện năm 2024 đạt 0,12% so với diện tích thực hiện của kế hoạch được duyệt. Diện tích chưa thực hiện 4,42 ha so với kế hoạch được duyệt; do một số công trình, dự án chưa thực hiện chuyển mục đích sang nhóm đất phi nông nghiệp như: *Thủy điện Sơn Nham, Thủy điện Trà Phong (hạng mục: Đường dây đấu nối và trạm biến áp 110Kv nhà máy Thủy điện Trà Phong vào lưới điện Quốc gia tại TBA Sơn Hà 110/220kV).*

+ *Đất rừng sản xuất*: Kết quả diện tích thực hiện năm 2024 đạt 2,00% so với diện tích thực hiện của kế hoạch được duyệt. Diện tích chưa thực hiện 27,56 ha so với kế hoạch được duyệt; do chưa thực hiện một số công trình, dự án như: *Thủy điện Đăkđrinh 2, Thủy điện Trà Khúc 1, Thủy điện Trà Khúc 2, Thủy điện Sơn Nham, Thủy điện Long Sơn, Thủy điện ĐăkBa, hạng mục: Đấu nối nhà máy thủy điện ĐăkBa vào lưới điện QG đường dây 110kV,...*

+ *Đất nuôi trồng thủy sản*: Kết quả diện tích thực hiện năm 2024 đạt 172,55% so với diện tích thực hiện của kế hoạch được duyệt. Diện tích thực hiện vượt hơn 0,05 ha so với kế hoạch được duyệt.

b.2. Nhóm đất phi nông nghiệp

Kết quả thực hiện nhóm đất phi nông nghiệp trong năm đạt 6,30% so với diện tích thực hiện của kế hoạch được duyệt. Diện tích chưa thực hiện 118,84 ha so với kế hoạch được duyệt; do một số công trình, dự án chưa thực hiện theo kế hoạch. Nhìn chung, hầu hết các loại nhóm đất phi nông nghiệp thực hiện còn thấp so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Cụ thể các loại đất như sau:

+ *Đất ở tại nông thôn*: Kết quả diện tích thực hiện năm 2024 đạt 29,10% so với diện tích thực hiện của kế hoạch được duyệt. Diện tích chưa thực hiện 0,02 ha so với kế hoạch được duyệt, do chưa thực hiện theo kế hoạch.

+ *Đất ở tại đô thị*: Kết quả diện tích thực hiện năm 2024 đạt -1,58% so với diện tích thực hiện của kế hoạch được duyệt; diện tích chưa thực hiện 4,75 ha so với kế hoạch được duyệt, do chưa thực hiện các công trình: *Khu dân cư Cà Tu, hạng mục: xây dựng hạ tầng kỹ thuật DC8,DC10,DC11,DC18 (giai đoạn 2); Khu dân cư Cà Tu, hạng mục: xây dựng hạ tầng kỹ thuật DC3,DC4 (giai đoạn 1, giai đoạn 2); khu dân cư Cà Tu, hạng mục: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật DC5,A4, Khu dân cư dọc Kè sông Rìn, Khu dân cư Cà Tu, hạng mục: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật DC19,CX7 và chuyển mục đích đất ở đô thị của hộ gia đình tại thị trấn Di Lăng.*

+ *Đất xây dựng trụ sở cơ quan*: Kết quả diện tích thực hiện năm 2024 đạt -0,01% so với diện tích thực hiện của kế hoạch được duyệt; diện tích chưa thực hiện 1,25 ha so với kế hoạch được duyệt, do chưa thực hiện theo kế hoạch công trình Trụ sở làm việc UBND thị trấn Di Lăng.

+ *Đất quốc phòng*: Diện tích không thay đổi so với chỉ tiêu được duyệt.

+ *Đất an ninh*: Kết quả diện tích thực hiện năm 2024 đạt 0,00% so với diện tích thực hiện của kế hoạch được duyệt. Diện tích chưa thực hiện 0,12 ha so với kế hoạch được duyệt, do chưa thực hiện công trình Trụ sở công an xã Sơn Thành.

+ *Đất xây dựng công trình sự nghiệp*: Kết quả diện tích thực hiện năm 2024 đạt 216,90% so với diện tích thực hiện của kế hoạch được duyệt. Diện tích thực hiện vượt hơn 0,41 ha so với kế hoạch được duyệt.

+ *Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp*: Kết quả diện tích thực hiện năm 2024 đạt 0,00% so với diện tích thực hiện của kế hoạch được duyệt. Diện tích chưa thực hiện 4,42 ha so với kế hoạch được duyệt, do chưa thực hiện công trình mở rộng cụm công nghiệp Sơn Hạ.

+ *Đất sử dụng vào mục đích công cộng*: Kết quả diện tích thực hiện năm 2024 đạt 4,54% so với diện tích thực hiện của kế hoạch được duyệt. Diện tích chưa thực hiện 311,38 ha so với kế hoạch được duyệt, chủ yếu do các công trình đất công trình năng lượng chưa thực hiện theo kế hoạch (đạt 3,85 %),...

+ *Đất tôn giáo*: Diện tích không thay đổi so với chỉ tiêu được duyệt.

+ *Đất tín ngưỡng*: Diện tích không thay đổi so với chỉ tiêu được duyệt.

+ *Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt*: Kết quả diện tích thực hiện năm 2024 đạt 0,08% so với diện tích thực hiện của kế hoạch được duyệt, diện tích chưa thực hiện giảm qua các loại đất khác 0,56 ha.

+ *Đất có mặt nước chuyên dùng*: Kết quả thực hiện diện tích thực hiện năm 2024 đạt 3,34% so với diện tích thực hiện của kế hoạch được duyệt, diện tích chưa thực hiện 202,59 ha so với kế hoạch được duyệt, do chưa thực hiện theo kế hoạch để chuyển qua các loại đất khác như đất công trình năng lượng của các dự án thủy điện.

+ Đất phi nông nghiệp khác: diện tích không thay đổi so với chỉ tiêu được duyệt.

b.3. Nhóm đất chưa sử dụng

Kết quả thực hiện chỉ tiêu sử dụng nhóm đất chưa sử dụng trong kế hoạch năm 2024 đạt 15,74% so với diện tích thực hiện của kế hoạch được duyệt. Diện tích chưa thực hiện 15,19 ha so với chỉ tiêu kế hoạch được duyệt, do một số công trình chưa thực hiện chuyển sang nhóm đất phi nông nghiệp.

2.1.2. Kết quả thực hiện kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất

Trong năm 2024 diện tích nhóm đất nông nghiệp chuyển sang sử dụng mục đích phi nông nghiệp 0,40 ha/87,69 ha, đạt 0,46% so với kế hoạch được duyệt, trong đó:

- Đất trồng lúa: thực hiện 0,40 ha, đạt 2,68%,

Danh mục công trình thực hiện Chuyển mục đích và giao đất năm 2024 gồm: Đường cầu Tà Man I - Ngã ba đi Trà Trung.

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Kế hoạch được duyệt năm 2024 (ha)	Kết quả thực hiện năm 2024 (ha)	Tỷ lệ đạt được (%)
1	Nhóm đất nông nghiệp chuyển sang nhóm đất phi nông nghiệp	87,69	0,40	0,46
	<i>Trong đó:</i>			
1.1	Đất trồng lúa	14,90	0,40	2,68
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	34,21		
1.3	Đất trồng cây lâu năm	9,08		
1.4	Đất rừng phòng hộ	4,43		
1.5	Đất rừng sản xuất	25,06		
	<i>Trong đó: đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>			
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ nhóm đất nông nghiệp			
3	Chuyển các loại đất khác sang đất chăn nuôi tập trung khi thực hiện các dự án chăn nuôi tập trung quy mô lớn			
4	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ nhóm đất phi nông nghiệp			

2.1.3. Kết quả thực hiện kế hoạch thu hồi đất

Diện tích đã thực hiện thu hồi 75,79 ha/275,42 ha, đạt 27,52%, trong đó:

- Nhóm đất nông nghiệp: thực hiện 35,37 ha/84,53 ha, đạt 41,84% so với kế hoạch được duyệt.

- Nhóm đất phi nông nghiệp: thực hiện 40,42 ha/190,89 ha, đạt 21,18% so với kế hoạch được duyệt.

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Kế hoạch được duyệt năm 2024 (ha)	Kết quả thực hiện năm 2024 (ha)	Tỷ lệ đạt được (%)
1	Nhóm đất nông nghiệp	84,53	35,37	41,84
1.1	Đất trồng lúa	13,97	6,78	48,54
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	13,20	5,94	45,03
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	0,77	0,84	
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	33,94	14,54	42,82
1.3	Đất trồng cây lâu năm	7,72	10,91	141,23
1.4	Đất rừng phòng hộ	4,43		
1.5	Đất rừng sản xuất	24,46	3,07	12,55
	Trong đó: đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên			
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản		0,07	
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	190,89	40,42	21,18
2.1	Đất ở tại đô thị	0,24		
2.2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,09		
2.3	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	1,38		
2.3.1	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	1,38		
2.4	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	4,33	1,47	34,05
2.4.1	Đất công trình giao thông	1,92	1,21	63,25
2.4.2	Đất công trình thủy lợi	1,12	0,24	21,31
2.4.3	Đất công trình xử lý chất thải		0,02	
2.4.4	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	1,29		
2.5	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	0,12	0,12	104,08
2.6	Đất có mặt nước chuyên dùng	184,61	38,68	20,95
2.6.1	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	184,61	38,68	20,95

2.1.4. Kết quả thực hiện kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng

Năm 2024 diện tích nhóm đất chưa sử dụng chưa khai thác đưa vào sử dụng 0 ha/17,54 ha, không đạt chỉ tiêu so với kế hoạch được duyệt.

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Kế hoạch được duyệt năm 2024 (ha)	Kết quả thực hiện năm 2024 (ha)	Tỷ lệ đạt được (%)
	Tổng số	17,54	0	
1	Nhóm đất nông nghiệp			
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	17,54	0	
2.1	Đất ở tại đô thị	1,49		
2.2	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	0,06		
2.2.1	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	0,06		
2.3	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	16,03		
2.3.1	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	15,97		
2.3.2	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	0,02		

2.2. Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất

a. Hiệu quả về kinh tế:

Qua kết quả đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn huyện Sơn Hà cho thấy, việc khai thác và sử dụng tài nguyên đất đai ngày càng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả hơn, cơ bản đáp ứng nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện phù hợp theo xu hướng chung của tỉnh và phù hợp với điều kiện của địa phương theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa, có nhiều đóng góp tích cực cho việc phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Việc chuyển đổi mục đích một số diện tích từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp theo kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt đã làm động lực cho nền kinh tế của huyện tăng trưởng, qua đó tạo chuyển biến lớn cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo thuận lợi cho phát triển dịch vụ và nông nghiệp; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng Công nghiệp - Dịch vụ - Nông nghiệp.

b. Hiệu quả về xã hội:

Thu hút lao động vào phát triển cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, tạo tiền đề cho phân bố lại lao động theo không gian và theo ngành, góp phần tạo thêm việc làm cho người lao động.

Tạo điều kiện thuận lợi cho nông nghiệp - nông thôn chuyển dịch cơ cấu lao động sang phi nông nghiệp để tích tụ quy mô đất, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị nhằm nâng cao thu nhập và đời sống của người dân.

Bố trí quỹ đất xây dựng các khu vực tái định cư, di dời các hộ dân có nguy cơ bị ảnh hưởng do thiên tai, do quá trình đô thị hóa nhằm ổn định đời sống cho người dân.

c. Hiệu quả về môi trường:

Huyện Sơn Hà có môi trường sinh thái đa dạng nhưng do quá trình phát triển kinh tế, xã hội nhanh trong những năm qua, đã dẫn đến việc khai thác sử dụng đất cho các mục đích dân sinh, kinh tế với cường độ ngày càng cao. Trong nông nghiệp việc lạm dụng quá mức thuốc bảo vệ thực vật, phân hóa học làm cho môi trường đất, môi trường nước bị ô nhiễm; quá trình xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, phát triển đô thị, khu, cụm công nghiệp, làng nghề,... cũng làm suy giảm môi trường. Ở nông thôn và các khu vực miền núi nhiều nơi còn thiếu nước sinh hoạt hợp vệ sinh, thiếu các khu vực thu gom, chôn lấp, xử lý rác thải.

2.3. Đánh giá mặt được, tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục

a. Những mặt đạt được:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phát triển hạ tầng, các cơ sở sản xuất, dịch vụ, mở rộng đô thị, khu dân cư nông thôn. Trong đó:

- *Đối với nhóm đất nông nghiệp:* Đất sản xuất nông nghiệp được sử dụng khá triệt để, hợp lý và hiệu quả, các chỉ tiêu đều thấp hơn so với chỉ tiêu được UBND tỉnh phê duyệt. Việc chuyển mục đích đất nông nghiệp sử dụng sang các mục đích phi nông nghiệp đạt kết quả nhất định, đã cơ bản bám sát và tuân thủ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- *Đối với nhóm đất phi nông nghiệp:* Việc bố trí quỹ đất đáp ứng nhu cầu xây dựng hạ tầng, phát triển công nghiệp, dịch vụ,... Đất phi nông nghiệp được sử dụng đúng yêu cầu mục đích sử dụng, quản lý chặt chẽ việc chuyển đất sản xuất nông nghiệp sang mục đích phi nông nghiệp, nhất là việc sử dụng đất trồng lúa.

b. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước:

Quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất, bên cạnh những kết quả đã đạt được, đảm bảo đúng tiến độ về mặt thời gian cũng như các nội dung kế hoạch đề ra, còn tồn tại một số vấn đề bất cập, thể hiện ở các khía cạnh sau:

- Nhiều chỉ tiêu sử dụng đất thực hiện đạt thấp so với diện tích thực hiện của kế hoạch được duyệt như: đất an ninh, đất cụm công nghiệp, đất sử dụng vào mục đích công cộng (*trong đó chủ yếu là đất công trình năng lượng, đất khu vui chơi, giải trí công cộng...*), đất có mặt nước chuyên dùng,...

- Một số công trình đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng triển khai chậm do thiếu vốn đầu tư nên phải chuyển tiếp sang năm sau.

- Một số công trình đã đầu tư xây dựng nhưng chậm triển khai làm các thủ tục thu hồi, giao đất như: đất sinh hoạt cộng đồng, nhà văn hóa của các xã, cơ sở giáo dục đào tạo,...

- Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn, thời gian thực hiện kéo dài, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án.

- Công tác quản lý kế hoạch, giám sát kế hoạch còn nhiều hạn chế, nhiều nơi còn để xảy ra tình trạng lấn chiếm đất đai, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép hoặc không xin phép; nhiều công trình chưa có quyết định thu hồi đất nhưng đã thi công xây dựng công trình, không theo đúng hành lang pháp lý.

- Các địa phương còn lúng túng trong việc gắn kết giữa kế hoạch sử dụng đất với kế hoạch phát triển các ngành, xây dựng đô thị và quy hoạch nông thôn mới.

c. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước:

- Đối với các công trình, dự án trong chương trình xây dựng nông thôn mới chưa xác định được công trình trọng tâm, có tính cấp bách cần ưu tiên triển khai trước; chưa xác định được nguồn vốn đầu tư; chưa có giải pháp cụ thể để kêu gọi vốn đầu tư hoặc vận động nhân dân hiến đất để thực hiện,...

- Đối với công trình, dự án thực hiện bằng ngân sách nhà nước thì khó khăn về bố trí nguồn vốn nên nhiều ngành, nhiều lĩnh vực đã không thực hiện theo kế hoạch hoặc thực hiện với tiến độ chậm. Đây cũng là nguyên nhân dẫn

đến một số chỉ tiêu sử dụng đất đạt được ở mức rất thấp so với diện tích thực hiện của kế hoạch được duyệt.

- Đối với công trình, dự án thực hiện bằng nguồn ngoài ngân sách nhà nước: Các nhà đầu tư sau khi được thỏa thuận địa điểm xây dựng công trình còn chậm làm các thủ tục theo quy định để Nhà nước thu hồi, giao đất, cho thuê đất xây dựng công trình, dự án.

- Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng phục vụ các dự án phát triển kinh tế - xã hội còn gặp nhiều khó khăn do chính sách bồi thường, giải phóng mặt bằng còn bất cập như việc xác minh nguồn gốc đất, giải quyết tranh chấp đất đai, còn xuất hiện nhiều vướng mắc mới phát sinh và liên quan đến nhiều tổ chức, cá nhân nên gặp rất nhiều khó khăn; vẫn còn một số hộ dân trong vùng dự án chưa đồng thuận nên các cấp chính quyền phải vận động, giải thích.

- Nhiều đơn vị chủ đầu tư chưa chủ động xây dựng kế hoạch triển khai công tác xây dựng khu tái định cư để bố trí cho các hộ dân, chưa chuẩn bị đủ các điều kiện về quỹ tái định cư... để tổ chức thực hiện công tác bồi thường hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng, dẫn đến công tác bố trí đất tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng của các Dự án còn chậm.

- Thủ tục hành chính trong việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất còn phức tạp, nhiều thủ tục.

- Công tác quản lý đất đai ở cấp huyện và cấp xã chưa chú trọng thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát trong quản lý và thực hiện kế hoạch.

d. Bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục

- Trước khi thực hiện kế hoạch, cần huy động mọi nguồn lực từ các cấp, các ngành từ cấp trên đến cấp cơ sở để phối hợp chặt chẽ với cơ quan chuyên môn để xác định nhu cầu sử dụng đất trên địa bàn huyện sát với thực tiễn, tránh tình trạng đăng ký kế hoạch tràn lan, không hiệu quả.

- Để kế hoạch sử dụng đất có tính khả thi cao cần xác định nhu cầu sử dụng đất cho phát triển các ngành, lĩnh vực trên cơ sở khoa học, bám sát các chỉ tiêu định hướng phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng và môi trường của địa phương.

- Thường xuyên đôn đốc các nhà đầu tư hoàn thiện các thủ tục theo quy định để Nhà nước thu hồi, giao đất, cho thuê đất xây dựng công trình, dự án.

- Cần nâng cao chất lượng lấy ý kiến nhân dân trong việc xây dựng phương án kế hoạch; trong quá trình lập kế hoạch cần tranh thủ ý kiến các chuyên gia nhiều ngành, lĩnh vực để phương án có tính khả thi cao hơn.

- Lập phương án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, cũng như các phương án khác có liên quan tới lợi ích của người dân đảm bảo thực sự công khai minh bạch; đôn đốc các chủ đầu tư chủ động xây dựng kế hoạch triển khai công tác xây dựng khu tái định cư để bố trí cho các hộ dân, chuẩn bị đủ các điều kiện về quỹ tái định cư,...

- Cần phải đổi mới công tác lập kế hoạch, nâng cao chất lượng kế hoạch sử dụng đất theo hướng tiếp cận phương pháp tiên tiến; quan tâm đến vấn đề kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường, có tính đến tác động của biến đổi khí hậu.

3. Nội dung kế hoạch sử dụng đất đến năm 2025

3.1. Phân bổ diện tích các loại đất năm 2025 (*chi tiết Biểu 01 kèm theo*)

3.2. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng năm 2025 (*chi tiết Biểu 02 kèm theo*)

3.3. Kế hoạch thu hồi đất năm 2025 (*chi tiết Biểu 03 kèm theo*)

3.4. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 (*chi tiết Biểu 04 kèm theo*)

3.5. Kế hoạch xác định các khu vực lấn biển đưa vào sử dụng theo kế hoạch sử dụng đất năm 2025 (*chi tiết Biểu 05 kèm theo*)

4. Danh mục công trình, dự án thực hiện trong năm 2025

Tổng danh mục công trình, dự án thực hiện năm 2025 có 81 công trình (*gồm: 36 công trình, dự án chuyển tiếp từ năm 2024 thực hiện năm 2025 theo Khoản 7 Điều 76 Luật Đất đai và 45 công trình, dự án đăng ký mới*), trong đó:

+ Danh mục công trình, dự án thu hồi đất năm 2025 phải thông qua HĐND tỉnh có: 32 công trình, dự án. (*chi tiết tại Biểu 06 kèm theo*)

+ Danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất sang mục đích khác năm 2025 phải thông qua HĐND tỉnh có: 29 công trình, dự án. (*chi tiết tại Biểu 07 kèm theo*)

+ Danh mục công trình, dự án thuộc thẩm quyền của UBND có: 49 công trình, dự án. (*chi tiết tại Biểu 08 kèm theo*)

5. Danh mục công trình, dự án phải không tiếp tục thực hiện năm 2025

Danh mục công trình, dự án phải không tiếp tục thực hiện năm 2025 có 02 công trình với tổng diện tích là 0,6 ha.

(*chi tiết tại Biểu 09 kèm theo*).

6. Các biện pháp, giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất

6.1. Xác định các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về môi trường, biến đổi khí hậu, chủ động phòng, tránh, giảm nhẹ thiên tai; xây dựng các công trình có nhu cầu cấp thiết như: Công trình thủy lợi, thủy điện,... nhằm cấp nước, cấp điện cho các nhu cầu kinh tế- xã hội và điều tiết nước lũ về mùa mưa.

- Áp dụng các biện pháp canh tác phù hợp điều kiện đất đai trong sử dụng nhóm đất nông nghiệp, đặc biệt canh tác trên đất dốc, trồng các đai rừng nhằm hạn chế ảnh hưởng đến các vùng đất sản xuất nông nghiệp và khu dân cư xung quanh.

- Khuyến khích hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân đầu tư bảo vệ, cải tạo nâng cao độ phì của đất, bảo vệ tầng đất canh tác, ngăn ngừa giảm thiểu thoái hóa đất.

- Đối với phát triển cụm công nghiệp Sơn Hạ, các điểm tiểu thủ công nghiệp tại các xã cần chấp hành và tuân thủ nghiêm ngặt Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường,...

- Xây dựng vành đai cây xanh ở cụm công nghiệp, khu đô thị, các khu dân cư để nhằm đảm bảo mật độ cây xanh đô thị, bảo vệ tốt môi trường sinh thái.

- Tiến hành các giải pháp giảm thiểu nguy cơ thiên tai như điều tra xây dựng giải pháp kỹ thuật, phòng chống sạt lở và ngập lụt những vùng trũng yếu vào mùa mưa.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại trong công tác quan trắc môi trường để cảnh báo ô nhiễm môi trường, kiên quyết không cho phép các nhà đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu gây ô nhiễm môi trường.

- Các dự án có thu hồi đất trồng lúa phải có phương án sử dụng lớp đất mặt thuộc tầng canh tác để cải tạo các vùng trồng lúa kém chất lượng.

6.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao kiến thức cho cán bộ quản lý nhà nước, xây dựng đội ngũ cán bộ công chức có phẩm chất đạo đức tốt và năng lực để đáp ứng nhiệm vụ theo sự phát triển của địa phương.

- Khuyến khích học nghề, truyền nghề cho lực lượng lao động bằng nhiều hình thức thích hợp. Đề nghị các doanh nghiệp trên địa bàn ưu tiên sử dụng lao động là người địa phương.

- Huy động tối đa các nguồn vốn cho sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng từ nguồn vốn ngân sách, vốn doanh nghiệp, vốn liên doanh liên kết; Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư tại các điểm, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện.

- Huy động tối đa các nguồn vốn hợp pháp từ Trung ương, ngân sách tỉnh cho phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; đầu tư tập trung, có trọng điểm vào các dự án nông nghiệp, công nghiệp sản xuất sạch, thân thiện với môi trường.

- Thực hiện thu chi ngân sách hợp lý, tạo thêm nguồn vốn từ quỹ đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất.

- Mở rộng hình thức “Nhà nước và nhân dân cùng làm” để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng quy mô nhỏ, phục vụ dân sinh, nhất là các hệ thống giao thông, thủy lợi,... Đồng thời tranh thủ sự giúp đỡ của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước.

6.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất của huyện tại trụ sở UBND huyện và UBND các xã, thị trấn đồng thời công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, cổng thông tin điện tử của tỉnh và huyện.

- Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí nguồn vốn đầu tư để triển khai thực hiện các công trình, dự án trong Kế hoạch sử dụng đất 2025 được duyệt.

- Ban hành thông báo thu hồi đất đến chủ sử dụng đất đối với các công trình, dự án phải thu hồi đất trong năm 2025.

- Triển khai thực hiện quản lý đất đai và tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đai, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai nhất là vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Kiên quyết thu hồi các diện tích đất đã giao cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhưng chưa sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả theo quy định của pháp luật. Tăng cường công tác quản lý xây dựng trên địa bàn, kiên quyết xử lý những trường hợp xây dựng không phép, trái phép, sai giấy phép và lấn chiếm đất đai bất hợp pháp.

- Nâng cao hiệu quả giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức chính trị xã hội trong công tác quản lý đất đai, quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Trong đó, đặc biệt chú trọng đến việc tiếp thu, giải quyết tốt những ý kiến, kiến nghị, phản ánh của nhân dân về công tác quản lý đất đai trên địa bàn huyện.

- Thường xuyên và tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng pháp luật đất đai nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về quyền lợi và nghĩa vụ của người sử dụng đất, thông qua đó tạo sự đồng thuận cao trong việc tổ chức thực hiện Kế hoạch sử dụng đất.

- Thực hiện tốt cơ chế, chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và tăng cường công tác vận động, thuyết phục người dân thực hiện di dời để đảm bảo công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật.

- Đẩy mạnh cải cách các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai theo hướng tinh gọn, đơn giản và giảm thời gian thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi để người sử dụng đất thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Đẩy mạnh tiến độ thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới để khai thác tài nguyên đất đai vào phát triển sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân.

- Tiếp tục tuyên truyền vận động nhân dân hiến đất để xây dựng cơ sở hạ tầng, đặc biệt là các công trình xây dựng nông thôn mới: đường giao thông nông thôn, nhà văn hóa thôn,...

- Những khu dân cư quy hoạch bố trí xen ghép hoặc cải tạo chỉnh trang thì cho phép nhân dân được phép tự chuyển mục đích sử dụng đất và nộp tiền sử dụng đất mà không tiến hành thu hồi đất để nâng cao tính khả thi của phương án

kế hoạch và đảm bảo tiến độ thực hiện cũng như đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân.

- Tăng cường sự phối hợp đồng bộ của các cấp, các ngành, các địa phương để thực hiện kế hoạch sử dụng đất được tốt nhất.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành bộ máy quản lý nhà nước ở địa phương và cơ sở trên lĩnh vực quản lý đất đai. Có biện pháp xử lý cụ thể đối với các trường hợp chậm triển khai thực hiện hoặc sử dụng đất sai mục đích khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất.

- Căn cứ vào kế hoạch sử dụng được phê duyệt để điều tra, lập kế hoạch đào tạo, chuyển đổi ngành nghề cho số lao động tại các khu vực sẽ bị thu hồi đất, nhằm giúp cho người bị thu hồi đất có thể nhanh chóng tìm được việc làm mới và ổn định cuộc sống.

- Tăng cường đầu tư cho công tác điều tra cơ bản về đất đai, xây dựng cơ sở dữ liệu; đào tạo nguồn nhân lực trong quản lý đất đai; thực hiện nghiêm chỉnh việc quản lý đất đai theo kế hoạch: Bao gồm việc thẩm định dự án, xét duyệt dự án, thu hồi đất và giao đất phải theo đúng kế hoạch.

Ủy ban nhân dân huyện Sơn Hà kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Huyện ủy,
- Thường trực HĐND huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- Các phòng ban đơn vị thuộc huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Anh Quang